Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8532.22.00

Mã HS	8532.22.00
Mô tả hàng hóa	Tụ điện, loại có điện dung cố định, biến đổi hoặc điều chỉnh được (theo mức định trước) / - Tụ điện cố định khác: / - - Tụ nhôm
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 07:16:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85322200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15721
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15721
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15721
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15053
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14985
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14985
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14985
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14985
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14985
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14985
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15039
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15039
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15039

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15039
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15039
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15039
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15040
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15040
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15040
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15040
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15040
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15040
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15043
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14991
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14999
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14999
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14999
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14999
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14999
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14999
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15039
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15039
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15039
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15039
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15039
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15039
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15094
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15094
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15094

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15094
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15094
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15094
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15073
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15073
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15073
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15073
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15073
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15073
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15071
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15071
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15071
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15071
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15071
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15071
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15077
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15077
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15077
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15077
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15077
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15077
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15076
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15076
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15076
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15076
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15076

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15076
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15069
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15069
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15069
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15069
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15069
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15069
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15069
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15064
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15064
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15064
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15064
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15064
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15064
RCEP B	2022	2022	0	B!D15064
RCEP B	2023	2023	0	B!E15064
RCEP B	2024	2024	0	B!F15064
RCEP B	2025	2025	0	B!G15064
RCEP B	2026	2026	0	B!H15064
RCEP B	2027	2027	0	B!I15064
RCEP C	2022	2022	0	C!D15064
RCEP C	2023	2023	0	C!E15064
RCEP C	2024	2024	0	C!F15064
RCEP C	2025	2025	0	C!G15064
RCEP C	2026	2026	0	C!H15064
RCEP C	2027	2027	0	C!I15064

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15063
RCEP D	2023	2023	0	D!E15063
RCEP D	2024	2024	0	D!F15063
RCEP D	2025	2025	0	D!G15063
RCEP D	2026	2026	0	D!H15063
RCEP D	2027	2027	0	D!I15063
RCEP E	2022	2022	0	E!D15067
RCEP E	2023	2023	0	E!E15067
RCEP E	2024	2024	0	E!F15067
RCEP E	2025	2025	0	E!G15067
RCEP E	2026	2026	0	E!H15067
RCEP E	2027	2027	0	E!I15067
RCEP F	2022	2022	0	F!D15064
RCEP F	2023	2023	0	F!E15064
RCEP F	2024	2024	0	F!F15064
RCEP F	2025	2025	0	F!G15064
RCEP F	2026	2026	0	F!H15064
RCEP F	2027	2027	0	F!I15064
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14035
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14035
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14035
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14035

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8532.22.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8532.22.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15721), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.